

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày: 23/8/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Đê

2. Bà Hồ Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

**- Viện kiểm sát nhân dân huyện A:** Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A")**

Địa chỉ trụ sở: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 N, phường V, Quận C1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Việt N** (UQ số 17/2023/UQ-A ngày 19/9/2023)

Chức vụ: Phó Bộ phận Quản lý Công nợ

Đại diện ủy quyền của bà N là ông **Nguyễn Đăng T1**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 N, phường V, Quận C1, Thành phố H

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Chí H**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Chị **Thị Nhựt D**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 10 C, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A") trình bày:*

Nguyên vào ngày 16/6/2022 anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D (Gọi tắt "Bên vay") ký Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 với A vay tiền mua xe tải theo hình thức thế chấp trả góp hàng tháng.

Số tiền vay: 169.850.000 (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Lãi suất: 13.51%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng.

Thực hiện hợp đồng A đã giải ngân số tiền trên vào tài khoản của Công ty CP TM DV ô tô T2 - CN K và Công ty CP TM DV ô tô T2 - CN K đã bàn giao chiếc xe tải cho bên vay.

Đồng thời, để bảo đảm cho khoản nợ trên, ngày 16/6/2022, anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 835050002892814000-HĐTC với A, đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của khoản vay tại hợp đồng số 835050002892814000 với A.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì bên vay có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 60 tháng, mỗi tháng bên vay phải thanh toán cho A số tiền là 3.908.852 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu 12/07/2022.

Từ ngày 12/07/2022 đến ngày 18/09/2023, bên vay thanh toán cho A được số tiền là 58.816.236 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.958.286 đồng; Lãi:

25.674.494 đồng; Lãi quá hạn: 3.456 đồng; Phí quản lý khoản vay: 180.000 đồng.

Tuy nhiên, từ sau ngày 18/09/2023 anh H, chị D không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A và cố tình lẩn tránh.

Đến ngày 10/01/2024, A đã hoàn tất việc thu hồi và bán chiếc xe với giá 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền bên vay đã thanh toán cho A là 118.816.236 đồng. Trong đó, nợ gốc: 86.654.315 đồng; Lãi: 31.853.096 đồng; Lãi quá hạn: 80.825 đồng; Phí: 228.000 đồng.

Vì vậy, việc bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của A.

Căn cứ Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 11 Hợp đồng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022; Căn cứ Điều 1; Điều 2; Điều 3; Điều 4 Điều 5; Điều 8 Hợp đồng thế chấp tài sản số 835050002892814000-HĐTC ngày 16/6/2022;

A xác định tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu:

“Trường hợp anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D không thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên người khởi kiện có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản là chiếc xe tải SRM-T20A, số khung: RM3BADAC6NT201311, số máy: DLCG14439962, biển kiểm soát: 68C-141.51 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 835050002892814000-HĐTC ngày 16/6/2022 để trả nợ”

Nay, A yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 83.384.319 đồng. Trong đó, nợ gốc: 83.195.685 đồng; Lãi: 188.634 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 0 đồng.

2. Bên vay tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 23/8/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Chí H, chị Thị Nhựt D vắng mặt không có lý do.*

**Tại phiên tòa:**

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn A xác định tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu:

“Trường hợp anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D không thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên người khởi kiện có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản là chiếc xe tải SRM-T20A, số khung: RM3BADAC6NT201311, số máy: DLCG14439962, biển kiểm soát: 68C-141.51 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 835050002892814000-HĐTC ngày 16/6/2022 để trả nợ”

Xác định yêu cầu: Buộc anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 83.384.319 đồng. Trong đó, nợ gốc: 83.195.685 đồng; Lãi: 188.634 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 0 đồng.

Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 23/8/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022.

- Bị đơn anh Nguyễn Chí H, chị Thị Nhựt D: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 83.384.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 83.195.685 đồng; Lãi: 188.634 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 0 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 23/8/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thẩm quyền: A có đơn khởi kiện tranh chấp đối với anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D về yêu cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D cung cấp địa chỉ cư trú tại Ấp 10 C, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị D trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của A thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện vào ngày 16/6/2022 anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D ký Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 với A vay tiền mua xe tải theo hình thức thế chấp trả góp hàng tháng. Số tiền vay: 169.850.000 đồng. Lãi suất: 13.51%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì anh H, chị D có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 60 tháng, mỗi tháng phải thanh

toán cho A số tiền là 3.908.852 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu 12/07/2022.

Thực hiện hợp đồng A đã giải ngân số tiền trên vào tài khoản của Công ty CP TM DV ô tô T2 - CN K và Công ty CP TM DV ô tô T2 - CN K đã bàn giao chiếc xe tải cho anh H, chị D.

Đồng thời, để bảo đảm cho khoản nợ trên, ngày 16/6/2022, anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 835050002892814000-HĐTC với A, đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của khoản vay tại hợp đồng số 835050002892814000 với A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 12/07/2022 đến ngày 18/09/2023, anh H và chị D thanh toán cho A được số tiền là 58.816.236 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.958.286 đồng; Lãi: 25.674.494 đồng; Lãi quá hạn: 3.456 đồng; Phí quản lý khoản vay: 180.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 18/09/2023 anh H, chị D không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A đã vi phạm Điều 3; Điều 8 Hợp đồng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022. A đã nhiều lần yêu cầu anh H, chị D trả nợ nhưng anh H, chị D lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 10/01/2024, A đã hoàn tất việc thu hồi và bán chiếc xe với giá 60.000.000 đồng. Tổng số tiền bên vay đã thanh toán cho A là 118.816.236 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 86.654.315 đồng; Lãi: 31.853.096 đồng; Lãi quá hạn: 80.825 đồng; Phí: 228.000 đồng).

Từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D có vay và còn nợ A tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 83.384.319 đồng. Trong đó, nợ gốc: 83.195.685 đồng; Lãi: 188.634 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 0 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên anh H, chị D phải có nghĩa vụ thanh toán cho A số nợ vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 83.384.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 83.195.685 đồng; Lãi: 188.634 đồng; Lãi

quá hạn: 0 đồng; Phí: 0 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 23/8/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022.

[4] Về xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng vay tài sản: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn A xác định tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: “Trường hợp anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D không thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên người khởi kiện có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản là chiếc xe tải SRM-T20A, số khung: RM3BADAC6NT201311, số máy: DLCG14439962, biển kiểm soát: 68C-141.51 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 835050002892814000-HĐTC ngày 16/6/2022 để trả nợ” nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của A theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên anh H, chị D phải chịu 4.169.216 đồng (làm tròn là 4.169.500 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 288, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Chí H, chị Thị Nhựt D trả cho Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là “A”) số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 83.384.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 83.195.685 đồng; Lãi: 188.634 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 0 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 23/8/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 835050002892814000 ngày 16/6/2022.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu “Trường hợp anh Nguyễn Chí H và chị Thị Nhựt D không thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên người khởi kiện có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản là chiếc xe tải SRM-T20A, số khung: RM3BADAC6NT201311, số máy: DLCG14439962, biển kiểm soát: 68C-141.51 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 835050002892814000-HĐTC ngày 16/6/2022 để trả nợ”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Chí H, chị Thị Nhựt D cùng chịu 4.169.500 đồng.
- Hoàn trả cho Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là “A”) số tiền 3.547.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005177 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Chí H, chị Thị Nhựt D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,



Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**